

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI TRONG CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI HỌC SINH

Hoàng Thị Hồng Phương

Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Email: hthongphuong@agu.edu.vn

Article history

Received: 14/11/2021

Accepted: 27/01/2022

Published: 20/3/2022

Keywords

Foreign literature, the role of foreign literature, primary school students

ABSTRACT

Foreign literature plays an important role in the Vietnamese primary school curriculum. The works are taught in all subjects, but the focus is mainly on Reading and Storytelling with folk tales, contemporary short stories, poetry, and plays by authors such as: Lev Tolstoy, Turgeneb, Sukhomlinsky, La Fontaine, Andersen, Grim, etc. Each story and poetry contains valuable lessons and educational morals. This article provides an overview of foreign literature in the Vietnamese Primary School program and its significance to students. The article aims to present an objective and comprehensive view of the content and aesthetics as well as the roles of foreign literary works in the Vietnamese program at Primary School.

1. Mở đầu

Văn học đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển cá nhân của trẻ em vì người đọc trở nên gắn bó tình cảm với câu chuyện và điều này có tác động tích cực không chỉ đến sự phát triển cá nhân mà còn đối với toàn bộ quá trình học tập (Ruxandra, 2015). Các yếu tố của cuộc sống được tìm thấy trong các tác phẩm văn học làm cho mỗi tác phẩm chứa đựng những giá trị đạo đức hữu ích trong thế giới giáo dục (Ningrum, 2018). Không chỉ văn học Việt Nam, văn học nước ngoài (VHNN) cũng có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần của thiếu nhi Việt Nam. Trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học (TH), VHNN được đưa vào dạy học ở tất cả các phân môn: Học văn, Chính tả, Tập làm văn, Luyện từ và câu, Tập đọc, Kể chuyện với những truyện kể dân gian, những truyện hiện đại, các đoạn trích văn thơ của những nhà văn nổi tiếng trên thế giới đã được xem xét và chọn lọc kỹ về nhiều phương diện để đưa vào chương trình, nhằm phục vụ mục đích giáo dục và giáo dục cho học sinh tiểu học (HSTH).

VHNN có vị trí hết sức đặc biệt đối với HS trong giai đoạn hội nhập văn hóa hiện nay. Trong kho tàng văn học đồ sộ đó, nhiều tác phẩm đã làm nên những dấu son rực rỡ trong nền văn hóa của nhân loại (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2013). Với một số lượng đáng kể, các tác phẩm VHNN đã để lại trong tâm trí HS những kiến thức phong phú về đời sống, về phong tục, tập quán, văn hóa, lịch sử; những khát vọng cao cả, đẹp đẽ của loài người, những bài học nhẹ nhàng mà sâu lắng về tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, sự vị tha,... Thông qua những truyện kể, HS tiếp xúc với những hình tượng bay bổng, gợi lên niềm hưng phấn và ước mơ đẹp đẽ, tiếp thu và học tập những trang văn đẹp, vừa trữ tình vừa sống động mà ở đó, con người và cảnh vật hòa quyện, hài hòa với nhau.

VHNN là một mảng nội dung quan trọng trong chương trình Tiếng Việt ở TH. Vì vậy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về mảng đề tài này. Lê Thị Bắc Lý (2015) cho rằng, văn học ở mỗi dân tộc đều phản ánh những sắc thái riêng của dân tộc đó, tuy vậy, điểm gặp nhau của các tác phẩm đó là đều hướng về mục đích nhân văn, để con người đấu tranh vươn lên những chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ xã hội và trong lao động. Cao Đức Tiến và Dương Thị Hương (2007) đã đưa ra số liệu thống kê về tỉ lệ phần trăm mà các tác phẩm VHNN có trong chương trình TH hiện hành và khẳng định “Phần VHNN được đưa vào chương trình TH chủ yếu là hai phân môn Tập đọc và Kể chuyện. Mục đích của phần này là bước đầu giúp HSTH “nhìn ra thế giới” thông qua những bài tập đọc và những truyện kể, đồng thời cũng bước đầu hình thành cho các em cái nhìn về vị thế của đất nước và dân tộc mình trong mối quan hệ với các quốc gia và dân tộc khác trên thế giới”; Đỗ Việt Nga (2010) đã khẳng định giá trị của các tác phẩm VHNN mang đến cho HS là “cung cấp kiến thức cho HS và giúp các em có dịp được làm quen với các nền văn hóa, văn học khác trên thế giới, để từ đó biết thêm nhiều điều mới lạ, biết cảm nhận và so sánh với văn học dân tộc mình, biết phân biệt phải trái, tốt xấu, ...”... Tuy nhiên, có thể thấy, những bài viết, công trình trên chỉ nghiên cứu về vai trò của những tác phẩm, tác giả cụ thể chứ chưa nghiên cứu về vai trò của mảng VHNN đối với HSTH.

Từ việc tìm hiểu khái quát về VHNN trong chương trình Tiếng Việt ở TH, nghiên cứu tập trung vấn đề vai trò của VHNN trong chương trình Tiếng Việt đối với HSTH như: (1) Cung cấp tri thức, hiểu biết cho HS; (2) Giáo dục đạo đức HS; (3) Giáo dục thẩm mỹ cho HS; (4) Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Văn học nước ngoài trong chương trình tiểu học

2.1.1. Thống kê văn học nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học

Trong chương trình Tiếng Việt hiện hành, VHNN gồm có 80 tác phẩm, đoạn trích được lựa chọn, dạy học từ lớp 1 đến lớp 5. Cụ thể:

- Lớp 1 (Đặng Thị Lanh và cộng sự, 2014a, 2014b) gồm 13 tác phẩm. Các tác phẩm được dạy học trong phần Kể chuyện và Tập đọc với Cô bé trùm khăn đỏ (Pê-rôn), Bông hoa cúc trắng (Truyện cổ Nhật Bản), Mèo con đi học (P. Vô-rôn-cô), Cô chủ không biết quý tình bạn (Ô-xê-vê-a Va-len-ti-na), Con quạ thông minh (La Phong-ten), Quả sồi (Xu-khôm-lin-xki),...

- Lớp 2 (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2014g, 2014h): gồm 15 tác phẩm: Mít làm thơ (Nô-xốp), Bàn tay dịu dàng (Xu-khôm-lin-xki), Bông hoa niềm vui (Xu-khôm-lin-xki), Thêm sừng cho ngựa (Truyện vui nước ngoài), Hai anh em (La-mác-tin), Phần thưởng (Blai-ton), Bím tóc đuôi sam (Ku-rô-y-a-na-gi), Chiếc bút mực (Sva-rô), Cá sấu sợ cá mập (Truyện vui nước ngoài), Ông Mạnh thắng Thần Gió (A-nhông), Chim sơn ca và bông cúc trắng (An-đéc-xen), Sư Tử xuất quân (La Phong-ten), Bác sĩ Sói (La Phong-ten), Kho báu (Ê-dốp), Những quả đào (Lép Tôn-xtôi). Đa số các đoạn trích, tác phẩm được đưa vào dạy học ở tiết Tập đọc, Kể chuyện và một số tiết chính tả.

- Lớp 3 (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2014b 2014d) gồm 10 tác phẩm: Lừa và ngựa (Lép Tôn-xtôi), Ai có lỗi, Buổi học thể dục (A-mi-xi), Đất quý, đất yêu (Ê-ti-ô-pi-a) Trên con tàu vũ trụ (Ga-ga-rin), Người mẹ (An-đéc-xen), Bài tập làm văn (Pi-vô-na-rô-va), Các em nhỏ và cụ già (Xu-khôm-lin-xki), Nhà ảo thuật (Blai-ton), Người đi săn và con vượn (Lép Tôn-xtôi),...

- Lớp 4 (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2014e, 2014a) gồm 31 tác phẩm. Ở phân môn Tập đọc có các tác phẩm như: Nổi danh vật của An-đây-ca (Xu-khôm-lin-xki), Gà Trống và Cáo (La Phong-ten), Điều ước của vua Mi-đát (Thần thoại Hi Lạp), Người ăn xin (Tuốc-ghê-nhép),... Chiếm phần lớn là các tác phẩm ở phân môn Kể chuyện: Con vịt xấu xí (An-đéc-xen), Một nhà thơ chân chính (Tuốc-ghê-nhép), Bác đánh cá và gã hung thần (Truyện A Rập), Nàng công chúa và hạt đậu, Cô bé bán diêm, Chú lính chì dũng cảm (An-đéc-xen), Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn (Truyện cổ Grim), Ông lão đánh cá và con cá vàng (Pu-skin)... Còn lại, các tác phẩm được phân bổ đều cho các phân môn như: Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn.

- Lớp 5 (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2014c 2014f) gồm 11 tác phẩm, phân bổ đều ở các phân môn Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, nhưng phần lớn là ở phân môn Tập đọc với 4 tác phẩm: Chuỗi ngọc lam (Phun-ton-o-xlô), Một vụ đắm tàu (A-mi-xi), Lốp học trên đường (Héc-to Ma-lô), Thuần phục sư tử (Truyện dân gian A Rập)...

Qua phân thống kê trên, có thể nhận thấy, về mặt thể loại, trong số 80 tác phẩm, trích đoạn VHNN, chỉ có 3 tác phẩm thơ (Mèo con đi học của P. Vô-rôn-cô, Sư Tử xuất quân, Gà trống và Cáo của La Phong-ten) và 1 trích đoạn tác phẩm kịch (Vương quốc tương lai của Mát-téc-lích). Về mặt chủ thể sáng tác, VHNN trong chương trình Tiếng Việt đa số là các tác giả tiêu biểu của các nước Nga, Pháp, Anh, Mỹ, Đan Mạch, Đức,... Một số tác giả có nhiều tác phẩm được chọn lọc đưa vào dạy học ở TH như: An-đéc-xen (Người mẹ, Con vịt xấu xí, Chim họa mi, Nàng công chúa và hạt đậu, Cô bé bán diêm, Chú lính chì dũng cảm), Xu-khôm-lin-xki (Bàn tay dịu dàng, Bông hoa niềm vui, Các em nhỏ và cụ già, Nổi danh vật của An-đây-ca, Bầu trời mùa thu), Lép Tôn-xtôi (Những quả đào, Lừa và ngựa, Người đi săn và con vượn, Cây sồi già, Con chuột tham lam), La Phong-ten (Rùa và Thỏ, Sư Tử xuất quân, Kiến và Ve, Gà Trống và Cáo, Chú quạ thông minh). Ngoài ra, một vài tác giả cũng được lựa chọn với những tác phẩm là đoạn trích, một phần nhỏ của các tiểu thuyết nổi tiếng trên thế giới như: Lốp học trên đường (trích từ Không gia đình của Héc-to Ma-lô), Ai có lỗi (trích từ Những tấm lòng cao cả của A-mi-xi). Sự phân bổ đó phù hợp với thực tiễn nhận thức của HSTH, cùng với cách sắp xếp các tác phẩm hợp lí theo chương trình giáo dục ở mỗi lớp, làm cho VHNN trở thành một bộ phận không thể thiếu của văn học dành cho trẻ em.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018), các đoạn trích, tác phẩm VHNN cũng chiếm một số lượng đáng kể. Ở lớp 1, trong các bộ sách giáo khoa, các tác phẩm VHNN được chọn làm ngữ liệu để phát triển các kĩ năng ngôn ngữ ở tiết Kể chuyện, Tập đọc. Ở học kì 1, các tác phẩm VHNN được sử dụng để dạy học tiết Kể chuyện. Ở học kì 2, các tác phẩm VHNN được dạy học chủ yếu ở tiết Tập đọc. Một số tác phẩm là ngữ liệu để HS tự đọc và ôn tập cuối kì.

Bộ sách Chân trời sáng tạo (Bùi Mạnh Hùng và cộng sự, 2020c, 2020d), VHNN được lựa chọn 10 tác phẩm, gồm: Bông hoa niềm vui (Xu-khôm-lin-xki), Ai được tặng bút thần (Truyện cổ tích thế giới), Khu rừng kì lạ dưới đáy biển (Giun-lờ Ven),...

Bộ Cánh diều (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2020a, 2020b), VHNN được lựa chọn 24 tác phẩm, gồm: Hai con dê (La Phong-ten), Kiến và Bò Câu, Sói và Sóc (Lép Tôn-xtôi), Dê con nghe lời mẹ (Grim),... Ở học kỳ II, các tác phẩm VHNN được dạy học chủ yếu ở tiết Tập đọc như: Thầy giáo (A-mi-xi), Đeo chuông cổ mèo (Lép Tôn-xtôi), Bác nông dân và con gấu (Grim),... Một số tác phẩm được đưa vào tiết Kể chuyện: Sói và Dê (Truyện cổ Ba Tư), Chim họa mi (An-đéc-xen), Cô bé quàng khăn đỏ (Pê-rôn),... Một số tác phẩm là ngữ liệu để HS tự đọc và ôn tập cuối kỳ.

Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (Bùi Mạnh Hùng và cộng sự, 2020a, 2020b) có 17 tác phẩm VHNN, gồm Con quạ thông minh, Chó sói và Cừu (La Phong-ten), Cô chủ không biết quý tình bạn (Ô-xê-vê-a Va-len-ti-na), Sự tích hoa cúc trắng, Kiến và Dế Mèn (Truyện cổ tích Nhật Bản), Hai người bạn và con gấu, Chuột nhà và chuột đồng, Cặp sừng và đôi chân, Chú bé chăn cừu, Sư Tử và Chuột nhắt (Ê-dốp), Khi mẹ vắng nhà, Câu hỏi của Sói (Grim)...

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 2 gồm có 3 bộ:

Ở bộ Chân trời sáng tạo (Nguyễn Thị Ly Kha và cộng sự, 2021a, 2021b), VHNN gồm 9 tác phẩm và được đưa vào đa số ở phân môn Tập đọc với một số tác phẩm như: Bàn tay dịu dàng (Xu-khôm-lin-xki), Cô chủ không biết quý tình bạn (Ô-xê-ê-va), Bọ rùa tìm mẹ (Gò-ri-ben),... Ngoài ra, còn có một số tác phẩm, đoạn trích đưa vào phân môn Kể chuyện và Chính tả: Sự tích hoa cúc trắng (Truyện cổ tích Nhật Bản), Sự tích cá Thồn Bơn (Grim), Khu rừng hạnh phúc (Tun Te-le-gon).

Bộ Cánh diều (Nguyễn Minh Thuyết và cộng sự, 2021a, 2021b), VHNN gồm 12 tác phẩm. Các tác phẩm làm ngữ liệu trong tiết Tập đọc như Một ngày hoà bình (Xu-khôm-lin-xki), Mít làm thơ (Nô-xốp), Sư Tử xuất quân (La Phong-ten), Ông Mạnh thắng Thần Gió (A-nhông),... Một số tác phẩm vừa là ngữ liệu của tiết Tập đọc, vừa là ngữ liệu của tiết Kể chuyện như Phần thưởng (Blai-lon), Châu hoa (A-mô-na-svi-li), Chim sơn ca và bông cúc trắng (An-đéc-xen),... Một số tác phẩm dùng làm ngữ liệu cho HS tự đọc, luyện viết, ôn tập.

Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống (Bùi Mạnh Hùng và cộng sự, 2021e, 2021f), VHNN gồm 5 tác phẩm. Các tác phẩm được sử dụng để làm ngữ liệu cho HS phát triển kỹ năng nói và nghe: Bữa ăn trưa (Tốt-tô-chan), Cảm ơn họa mi (An-đéc-xen), Lớp học viết thư (Tun Te-le-gon); các tác phẩm được sử dụng làm ngữ liệu để phát triển kỹ năng đọc, viết gồm: Một giờ học (Tốt-tô-chan), Tớ nhớ cậu (Tun Te-le-gon).

Nhìn chung, những đoạn trích, tác phẩm VHNN được lựa chọn làm ngữ liệu trong sách giáo khoa Tiếng Việt của các bộ sách bao gồm các văn bản mới và tác phẩm đã, đang được sử dụng trong sách giáo khoa hiện hành, đảm bảo hài hòa giữa kế thừa và đổi mới. Các tác phẩm, đoạn trích đều phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình; phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức và đặc điểm tâm - sinh lý của HS. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hóa, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lý HS. Những tác phẩm đều có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật; phản ánh những thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hóa dân tộc, thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu thiên nhiên,...

2.1.2. Nội dung của các tác phẩm văn học nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học

Các tác phẩm VHNN với nội dung vô cùng đa dạng, mỗi tác phẩm đều mang ý nghĩa, thông điệp khác nhau mà tác giả muốn gửi gắm đến cho người đọc. Với những nội dung truyền tải được nhiều mặt của cuộc sống, các tác phẩm VHNN được sắp xếp theo từng chủ đề khác nhau trong sách giáo khoa Tiếng Việt, nhưng có thể quy chung về một số nội dung cơ bản sau:

2.1.2.1. Ca ngợi lòng nhân ái và lòng dũng cảm của con người

Nhân ái là “yêu thương con người” (Hoàng Phê, 2003). Lòng nhân ái là một chủ đề lớn, xuyên suốt trong hầu hết các tác phẩm VHNN. Lòng nhân ái được thể hiện không phải là những gì quá cao siêu mà được biểu hiện rất cụ thể, rất gần gũi với HS. Lòng nhân ái được thể hiện trong tình yêu thương giữa con người với con người. Từ những trang truyện, ở đâu ta cũng bắt gặp ngọn lửa ấm áp của lòng nhân ái. Truyện Người mẹ, Con sẻ, Người đi săn và con vượn là tình yêu con vô bờ bến của mẹ. Câu nói “Vì tôi là mẹ”, sự hi sinh của sẻ mẹ dành cho sẻ con trong lúc lâm nguy hay hình ảnh con vượn mẹ đáng thương, bị trúng tên, biết mình sắp chết đã cố đem chút sức tàn vắt cạn dòng sữa cuối cùng đặt lên miệng con rồi chết là những minh chứng hùng hồn cho tình mẫu tử thiêng liêng, cao cả. Các em nhỏ và cụ già, Người ăn xin, Nhà ảo thuật là những truyện đề cao sự giúp đỡ, quan tâm những người kém may mắn, những người có cuộc sống nghèo khổ, hoạn nạn bằng tình thương sự chân thành của một đứa trẻ. Truyện Chuỗi ngọc lam với ba nhân vật tốt bụng, vị tha, giàu lòng yêu thương và tự trọng, biết đem lại niềm hạnh phúc cho những người chung quanh cũng là những tấm gương về lòng nhân ái rất cảm động và bài học tích cực về nhân cách, phẩm chất

của con người. Chính lòng nhân ái đã tạo cho con người một sức mạnh vô tận, giúp họ vượt qua muôn ngàn thử thách và bất hạnh của cuộc đời để tìm đến hạnh phúc.

Bên cạnh lòng nhân ái, lòng dũng cảm cũng là một nội dung được đề cập trong các tác phẩm. Lòng dũng cảm luôn tiềm ẩn trong mỗi cá thể, nhưng để nó được thể hiện rõ ràng thì cần phải đặt trong hoàn cảnh cụ thể. Tác phẩm Con sẻ của Tuốc-ghe-nhép là hành động dũng cảm, xả thân cứu sẻ non của sẻ già. Hình ảnh con sẻ già lao xuống như hòn đá đến trước mồm con chó để cứu sẻ con, lông nó dựng ngược, miệng rít lên để lại ấn tượng mạnh trong tâm trí các em. Con sẻ già đang đối mặt với con chó như một con quỷ khổng lồ, nhưng nó không hề nao núng, lo sợ. Sẻ già đã lấy thân mình che chở cho con như đã sẵn lòng đón nhận và chống trả lại sự tấn công của con quỷ dữ ấy “Trước mắt nó, con chó như một con quỷ khổng lồ. Nó sẽ hi sinh. Nhưng một sức mạnh vô hình vẫn cuốn nó xuống đất”. Chính sự dũng cảm, tình yêu của sẻ già đã chiến thắng sự hung ác, làm cho con chó phải lùi bước và quay đi, đủ để thấy đứa con chính là động lực, tiếp thêm dũng khí để người mẹ dám đối mặt với con chó to lớn kia. Lòng dũng cảm ấy không đơn giản được bộc phát dữ dội như thế, nó là sự kết tinh của tình mẫu tử và lòng yêu thương con vô bờ bến của người mẹ. Trong xã hội cũng cần có những con người dũng cảm, nghĩa hiệp để bảo vệ người dân vô tội khỏi những kẻ hung tàn, độc đoán như bác sĩ Ly trong tác phẩm Khuất phục tên cướp biển của Xti-ven-xon. Với sự bình tĩnh, chính trực của mình, bác sĩ Ly đã làm cho tên chúa tàu phải run sợ và im lặng. Chỉ với một câu nói của bác sĩ đã mang lại không khí thoải mái, bình đẳng nơi quán trọ. Từ đó có thể thấy ông là một người dũng cảm, chính trực và không bao giờ cam tâm với những điều xấu xa, sẵn sàng đấu tranh để bảo vệ lẽ phải, đem lại cuộc sống bình yên cho mọi người.

2.1.2.2. *Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước*

Bên cạnh môi trường xã hội thì con người còn đang sống giữa thiên nhiên rộng lớn, một không gian vũ trụ bao la. Con người đã biết thưởng thức cái đẹp, sự huyền bí của thiên nhiên. Những hình ảnh đơn giản, mộc mạc, con sông hay cánh đồng lúa, những thứ ấy đều mang lại cho chúng ta cảm giác thân thuộc để rồi trân trọng và yêu nó. Yêu nét đẹp của thiên nhiên, mọi cảnh vật xung quanh để từ đó len lỏi trong tâm hồn của mỗi người là tình yêu quê hương, đất nước. Những mảnh đất thân thương nuôi ta khôn lớn, hình ảnh xóm làng yên bình đã chạm đáy lòng của bao nhà văn, nhà thơ nổi tiếng và cho ra đời nhiều tác phẩm nói về những tình yêu cao cả đó: Khu rừng dưới đáy đại dương; Đất quý, đất yêu; Bầu trời mùa thu, ... Tình cảm ấy đôi khi nó được thể hiện bằng những hành động rất tự nhiên của con người. Đó có thể là sự tôn trọng từng hạt cát nhỏ bé của quê hương đất nước như truyện Đất quý, đất yêu thể hiện qua hình ảnh những người dân Ê-ti-ô-pi-a trân trọng từng hạt cát nhỏ của quê hương đất nước thiêng liêng yêu quý. Đó là lòng căm thù giặc, không đội trời chung với kẻ thù. Truyện Những chú bé không chết là bài ca, ca ngợi sự hi sinh và lòng dũng cảm, quyết không đội trời chung với kẻ thù của nhân dân Nga trong cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Tình yêu đất nước ấy làm cho kẻ thù phải cúi đầu run sợ. Khi thấy một chú bé mặc áo sơ mi xanh có hàng cúc áo trắng thứ ba xuất hiện, tên phát xít đã phục xuống như một kẻ loạn trí: "Hít-le, quý tha ma bắt mày đi. Mày đưa chúng tao đến một đất nước phù thủy. Ở đây, người ta chết đi, sống lại như các vị thần". Để bảo vệ quê hương đất nước, tình yêu có lúc là tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí chống lại giặc ngoại xâm. Truyền thuyết về xứ Ba-un-lê ca ngợi bà hoàng hậu Pê-cu tài năng, dũng cảm và chan chứa tình yêu đối với dân tộc, với đất nước. Bà sẵn sàng hi sinh tính mạng, hi sinh cả đứa con trai độc nhất của mình vì sự tồn vong của đất nước. Lòng yêu nước cao cả tuyệt vời và chói sáng của bà đã cảm hóa được các thần linh và tạo ra chiến công kì diệu.

2.1.2.3. *Đề cao trí tuệ, sự sáng tạo của con người*

Cùng với lòng nhân ái, tình yêu quê hương đất nước, là trí tuệ, sự sáng tạo của các thế hệ trong đất nước, cộng đồng. Trí tuệ cũng đã góp phần làm nên vũ khí vô địch cho con người (Đỗ Việt Nga, 2010). Trí tuệ là khả năng nhận thức, suy xét và giải quyết của con người trước những vấn đề của cuộc sống. Trí thông minh trong các truyện được đưa vào chương trình TH thường gắn liền với những phẩm chất của người lao động hoặc những con người nghĩa hiệp, dũng cảm. Khuất phục tên cướp biển ca ngợi sự điềm tĩnh, dũng cảm, dám đối mặt với hiểm nguy để bảo vệ lẽ phải của bác sĩ Ly. Những truyện Thêm sừng cho ngựa, Nhà ảo thuật, Con quạ thông minh, Chú dế sau lò sưởi, ... cũng không ngoài nội dung ca ngợi óc thông minh, biết tìm tòi suy nghĩ, phát minh ra những điều có ích.

2.2. *Vai trò của văn học nước ngoài trong chương trình Tiếng Việt đối với học sinh tiểu học*

2.2.1. *Cung cấp tri thức, hiểu biết cho học sinh*

Tác phẩm văn học của bất kì nhà văn nào cũng là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hoá những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu của con người. Hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú với những kiến thức về địa lí, lịch sử, phong tục, tôn giáo, đạo đức, văn hóa của một dân tộc hoặc một thời đại (Lê Lưu Oanh và Phạm Đăng Dur, 2008). Thông qua những tác phẩm này, con người có

được những hiểu biết, những nhận thức mới mẻ, sâu rộng về nhiều mặt của cuộc sống trong những khoảng thời gian và không gian khác nhau từ ngày xưa đến ngày nay, từ trong nước đến nước ngoài. Mỗi tác phẩm VHNN trong chương trình Tiếng Việt ở TH, dù nhân vật là con người hay đồ vật, loài vật cũng có nội dung khá phong phú và đa dạng. Vì vậy, mỗi câu chuyện đều mang đến cho HS những hiểu biết về cuộc sống.

Trước hết, VHNN cung cấp cho HS những hiểu biết về đất nước và con người của các nước trên thế giới. HS nhận biết được cảnh vật mùa hè, mùa thu tuyệt đẹp, cây cối luôn chuyển động như đang hòa chung nhịp sống với con người ở Nga trong tác phẩm Bầu trời mùa thu của Xu-khôm-lin-xki. Hay các em nhận biết được một đất nước Đan Mạch vô cùng xinh đẹp và thơ mộng với thiên nhiên bốn mùa khác biệt trong truyện Chim họa mi. Mùa xuân ánh nắng ấm áp, cánh đồng ngập tràn hoa nở “cánh vườn táo đang ra hoa, những cây tử đinh hương tỏa ngát hương thơm, vươn những cành cây xanh tươi đến tận bờ hào nước quanh co”; hè đến làm mọi vật như căng tràn nhựa sống “lúa mì vàng óng, lúa mạch xanh rờn, cỏ khô đã được vun đống... Xung quanh cánh đồng là những dải rừng bát ngát, giữa rừng là những đầm nước sâu”; thu bắt đầu với những đợt gió thổi mạnh, “lá trong rừng ngả màu vàng và nâu, gió cuốn lá làm lá tung bay nhả múa khắp nơi”; còn mùa đông xuất hiện với những dấu hiệu đặc trưng như tất cả các hồ nước đều đóng băng, tuyết rơi nhiều làm khí trời lạnh cóng, “cực rét”, “cái vũng nước mà chú đang bơi ngày càng thu hẹp; lại một lượt băng mỏng đóng trên mặt nước vỡ ra”. Qua những trang văn miêu tả sự vật xung quanh, HS còn có thể mở rộng sự hiểu biết của mình về đặc điểm, hình dáng của vạn vật: Con vịt xấu xí (An-đéc-xen), Cây sồi già (Lép Tôn-xtôi),... Bên cạnh đó, HS còn nhận biết được nét đẹp văn hóa ở mỗi đất nước thông qua các truyện Cô bé bán diêm (An-đéc-xen), Đất quý, đất yêu (Ê-ti-ô-pi-a),... Các tác phẩm VHNN còn giúp HS nhận ra những tình cảm tốt đẹp trong cuộc sống. Đó là tình yêu quê hương đất nước (Đất quý, đất yêu, Những chú bé không chết, Ga-rvốt ngoài chiến lũy,...). Đó là tình mẹ thiêng liêng và cao cả (Người mẹ, Chim sẻ, Người đi săn và con vượn,...); tình nghĩa thầy trò sâu đậm, tình bạn chân thành, luôn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau (Bím tóc đuôi sam, Phần thưởng, Chiếc bút mực,...). Đó còn là sự quan tâm, chia sẻ đối với những người có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, hoạn nạn (Các em bé và cụ già, Chuỗi ngọc lam, Người ăn xin,...).

2.2.2. Giáo dục đạo đức cho học sinh

Nhân cách của HSTH không phải sinh ra đã có sẵn, nó được hình thành và phát triển thông qua nhiều yếu tố, trong đó yếu tố giáo dục là quan trọng, góp phần hoàn thiện nhân cách cho HS. Những tác phẩm văn học luôn khơi dậy khả năng đồng cảm, làm cho con người biết vui buồn trước những nỗi buồn vui của đời người, dạy ta biết yêu biết ghét, biết khinh bỉ sự phản trắc, cái tệ nhẹp, tầm thường, cái lười biếng, độc ác gian tham. Văn học khơi dậy niềm tin vào sự tất thắng của cái thiện, niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai, dạy cho người ta biết xả thân vì nghĩa lớn, khát khao đóng góp cho cuộc sống ngày càng đẹp hơn (Trần Đình Sử và cộng sự, 2008). Tiếp xúc với các tác phẩm VHNN, các em được giáo dục những bài học bổ ích như: biết yêu thương, vâng lời ông bà, cha mẹ, anh em trong gia đình (Mẹ của Thỏ bông, Bông hoa niềm vui, Hai anh em,...); chăm học, chăm lao động, không lười biếng (Mèo con đi học, Mít làm thợ, Kho báu); không ích kỉ tự hại thân, biết giúp đỡ lẫn nhau (Lừa và Ngựa), mưu mẹo hại người sẽ nhận hậu quả đau đớn như gã Sói gian xảo (Bác sĩ Sói),... VHNN còn giáo dục những phẩm chất tốt đẹp như lời nói phải đi đôi với việc làm (Bài tập làm văn), và đã hứa phải biết giữ lời (Lời hứa); không nên bội bạc, vô ơn như gã hung thần (Bác đánh cá và gã hung thần); không tham lam, ích kỉ (Điều ước của vua Mi-đát); cảnh giác trước kẻ xấu (Gà trống và Cáo, Bác sĩ Sói)... Đây là những phẩm chất rất bình thường mà cũng rất cần thiết trong quan hệ giao tiếp giữa con người với con người trong cuộc sống thường ngày. Các tác phẩm VHNN giúp các em xác lập thái độ, hành vi con người và giáo dục đạo đức cho thế hệ mới. Bên cạnh đó, các em được tham gia vào các tình tiết của câu chuyện, sống bằng cuộc sống của nhân vật, từ đó biết ủng hộ cái thiện, lên án cái xấu, cái ác.

2.2.3. Giáo dục thẩm mỹ cho học sinh

Thẩm mỹ nghĩa là cái đẹp. Văn học là cái đẹp mà nhà văn ban tặng cho người thưởng thức. Giáo dục thẩm mỹ cho HS tức là giáo dục cho HS biết yêu cái đẹp. Nói đến cái đẹp phải kể đến cái đẹp hình thức và cái đẹp về phẩm chất. Con người với tư cách là khách thể, vừa là chủ thể thẩm mỹ, cái đẹp chi phối hai khía cạnh cơ bản: cơ thể và tâm hồn (Hoàng Hữu Phước, 2017). Với nội dung phong phú và đa dạng, cách lựa chọn, sắp xếp ngôn ngữ kết hợp với các biện pháp nghệ thuật nhân hóa, so sánh, ẩn dụ,... của các tác giả, các tác phẩm VHNN mang đến cho HS muôn ngàn vẻ đẹp của bản thân đời sống (từ cỏ cây hoa lá đến sông núi, biển trời và chim, thú, côn trùng,...) và vẻ đẹp của con người (từ ngoại hình đến tính cách, phẩm chất bên trong). Thông qua những tác phẩm văn học đó, các em biết thưởng thức cái đẹp, biết phân biệt cái đẹp - cái xấu, cái đúng - cái sai, cái cao cả - cái thấp hèn,... từ đó, hành động đúng, sống đúng với những chuẩn mực của xã hội.

2.2.4. Hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ

VHNN còn giúp HS phát triển, mở rộng vốn từ, phát triển năng lực ngôn ngữ. Qua các văn bản Tập đọc, các em học được nhiều từ mới, nhiều câu hay, cách sử dụng ngôn từ và các biện pháp nghệ thuật của tác giả. Bên cạnh đó, các em còn học được cách đọc một tác phẩm như thế nào. Chẳng hạn, với Người mẹ, HS cần đọc như sau: Đoạn 1: đọc với giọng hồi hộp, lo lắng, biểu lộ tâm trạng hoảng hốt của người mẹ khi con bị Thần Chết bắt đi; Đoạn 2: đọc với giọng thiết tha, tình cảm, thể hiện sự sẵn lòng hi sinh của người mẹ để gặp được con; Đoạn 3: đọc với giọng chậm rãi, rõ ràng từng câu. Câu hỏi của Thần Chết: “Làm sao người có thể tìm đến tận nơi đây?” đọc với giọng ngạc nhiên. Câu trả lời của người mẹ “Vì tôi là mẹ. Hãy trả con cho tôi!” đọc với giọng dứt khoát, tự hào. Việc thể hiện đúng giọng đọc không chỉ giúp cho bài tập đọc thêm hấp dẫn, truyền tải được xúc cảm đến người nghe mà còn giúp bản thân người đọc tiếp cận với tâm trạng, suy nghĩ của nhân vật cũng như cảm thụ sâu sắc thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm thông qua họ.

Qua các ngữ liệu trong các tiết Tập làm văn, Luyện từ và câu, HS có thể luyện thêm khả năng dùng từ, cách lựa chọn, cách miêu tả sự vật, con người. Chẳng hạn, khi HS đọc văn bản Bà tôi (Mác-xim Go-ơ-ki), các em có thể học hỏi được cách tả khuôn mặt, đôi mắt, mái tóc của người bà, từ đó học hỏi, vận dụng và miêu tả lại được đối với những yêu cầu tương tự hay tự miêu tả ông, bà và người thân của mình. Hay với bài Con chuột tham lam (Lép Tôn-xtôi) trong phân môn Luyện từ và câu, qua việc thay thế từ “chuột” bằng các từ thay thế khác, các em hiểu rằng việc lặp từ quá nhiều sẽ làm cho bài văn, lời nói của mình thì không hay, theo đó hình thành thói quen lựa chọn, thay thế từ để nói, viết hay hơn.

3. Kết luận

VHNN là kho tàng tri thức quan trọng đối với HSTH. Những tác phẩm được chọn lọc trong chương trình mang đến giá trị giáo dục cao đối với các em. Vai trò của VHNN đối với việc dạy học ở nhà trường TH là rất quan trọng, giúp các em có thể tiếp cận với nhiều nhà văn tên tuổi và tác phẩm nổi tiếng trên thế giới, hiểu về phong tục, tập quán, nét đẹp của các nước bạn. Hơn thế nữa, VHNN còn có khả năng giáo dục các chuẩn mực đạo đức cần có trong mỗi em HS về tình yêu con người, quê hương, thiên nhiên và thấp lên trong tâm trí các em ước muốn được cống hiến cho xã hội, nâng cao nhận thức về cái đẹp đối với cuộc sống đồng thời góp phần bồi dưỡng ngôn ngữ cho các em. Từ những điều trên, có thể nói, VHNN đã góp phần hoàn thành nhiệm vụ giáo dục HS của nhà trường phổ thông. Để phát huy được hết vai trò và quá trình cảm thụ tác phẩm của HS được thuận lợi hơn, cần chú ý nhiều mặt của tác phẩm như: văn hóa, xã hội, tư tưởng, lịch sử, triết học. Văn học luôn mang trong mình cái thiện, cái đẹp với cách nhìn theo nhiều hướng khác nhau nhưng mục đích cuối cùng vẫn là từng bước đạt tới cái Chân - Thiện - Mĩ. Vì thế, vai trò của VHNN cần được quan tâm nhiều hơn để mỗi tác phẩm đều được bộc lộ hết giá trị thực sự của nó.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan (2020a). *Tiếng Việt 1*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm (2020b). *Tiếng Việt 1*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng (2020c). *Tiếng Việt 1*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Lương Hải Như, Nguyễn Thị Xuân Yên (2020d). *Tiếng Việt 1*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng (2021e). *Tiếng Việt 2*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm (2021f). *Tiếng Việt 2*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Cao Đức Tiến, Dương Thị Hương (2007). *Văn học - Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ Cao đẳng Sư phạm*. NXB Giáo dục.
- Đặng Thị Lanh (chủ biên), Hoàng Cao Cường, Trần Thị Minh Phương (2014a). *Tiếng Việt 1*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.

- Đặng Thị Lanh (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Hoàng Cao Cương, Trần Thị Minh Phương, Nguyễn Trí (2014b). *Tiếng Việt 1*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đỗ Việt Nga (2010). *Tiếp cận và giảng dạy các tác phẩm văn học nước ngoài ở trường tiểu học*. Luận văn thạc sĩ Khoa học Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- Hoàng Hữu Phước (2017). Giá trị giáo dục của truyện cổ Grimm và Andersen trong chương trình Tiếng Việt cấp tiểu học. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Huế*, 01(41), 39-44.
- Hoàng Phê (chủ biên, 2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học.
- Lã Thị Bắc Lý (2015). *Giáo trình Văn học trẻ em*. NXB Đại học Sư phạm.
- Lê Lưu Oanh, Phạm Đăng Dư (2008). *Lí luận văn học*. NXB Đại học Sư phạm.
- Ningrum, E. F. (2018). Literature on student book and its effect for developing elementary school teaching materials. *Lingua Cultura*, 12(2), 209-214. <https://doi.org/10.21512/lc.v12i2.4284>
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Cao Cương, Đỗ Việt Hùng, Trần Thị Minh Phương, Lê Hữu Tĩnh (2014a). *Tiếng Việt 4*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Trần Mạnh Hưởng, Lê Thị Tuyết Mai, Trịnh Mạnh (2014b). *Tiếng Việt 3*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Trần Mạnh Hưởng, Trần Thị Hiền Lương, Nguyễn Trí (2014c). *Tiếng Việt 5*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Lê Ngọc Diệp, Lê Thị Tuyết Mai, Bùi Minh Toán, Nguyễn Trí (2014d). *Tiếng Việt 3*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán, Nguyễn Trại (2014e). *Tiếng Việt 4*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Thị Lanh, Lê Phương Nga, Lê Hữu Tĩnh (2014f). *Tiếng Việt 5*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Trại, Trần Hoàng Túy (2014g). *Tiếng Việt 2*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên), Trần Mạnh Hưởng, Lê Phương Nga, Trần Hoàng Túy (2014h). *Tiếng Việt 2*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Ly Kha, Lê Hữu Tĩnh (2020a). *Tiếng Việt 1*, tập 1. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Bích Thủy, Lê Hữu Tĩnh (2021a). *Tiếng Việt 2*, tập 2. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga. (2020b). *Tiếng Việt 1*, tập 2. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Bích Hà, Trần Mạnh Hưởng, Đặng Kim Nga, Nguyễn Thị Tố Ninh (2021b). *Tiếng Việt 2*, tập 1. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên (2021a). *Tiếng Việt 2*, tập 1. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Ly Kha (chủ biên), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên (2021b). *Tiếng Việt 2*, tập 2. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Thu Thủy (2013). Đổi mới dạy học văn học nước ngoài cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học theo hướng tích hợp. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 45, 132-140.
- Ruxandra, V. S. (2015). The importance of literature in primary school pupils' development and personal growth. *Social and Behavioral Sciences*, 180, 454-459. <https://pdf.sciencedirectassets.com/>
- Trần Đình Sử (chủ biên), Phan Huy Dũng, La Khắc Hòa, Lê Lưu Oanh (2008). *Giáo trình Lí luận văn học*, tập 1. *Bản chất và đặc trưng văn học*. NXB Đại học Sư phạm.